



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2021**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 28 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Hồ Thanh Hiếu
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy
Ông Trần Thành Nam

Ông Nguyễn Tấn Hòa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 12 năm 2021)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 12 năm 2021)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

2017
CHI
ÔN
K
H. P.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2021

12-0
HÁI
TY T
MC
HỒ C



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00192/1-21-2




Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		18.655.160.349.585	9.022.315.330.402
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	492.796.782.190	574.767.066.704
Tiền	111		461.926.662.510	546.734.145.565
Các khoản tương đương tiền	112		30.870.119.680	28.032.921.139
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.003.792.159	516.043.836
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	28.003.792.159	516.043.836
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.534.902.423.539	2.024.273.013.463
Phải thu của khách hàng	131	8(a)	4.323.663.158.680	1.778.136.480.894
Trả trước cho người bán	132	9	68.897.236.027	100.085.092.644
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	159.191.323.984	171.749.127.453
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8(c)	(16.849.295.152)	(25.697.687.528)
Hàng tồn kho	140	11	12.349.095.948.022	5.523.844.442.201
Hàng tồn kho	141		12.555.990.962.429	5.568.878.411.270
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(206.895.014.407)	(45.033.969.069)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.250.361.403.675	898.914.764.198
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	136.435.025.777	141.636.982.795
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.108.616.194.136	757.274.781.403
Thuế phải thu Nhà nước	153		5.310.183.762	3.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		7.962.869.653.354	8.734.092.334.529
Các khoản phải thu dài hạn	210		179.887.837.400	184.949.529.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	179.887.837.400	184.949.529.000
Tài sản cố định	220		6.662.061.653.393	7.594.742.677.985
Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.442.809.695.940	7.262.428.277.688
Nguyên giá	222		13.671.862.519.864	13.329.437.933.511
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.229.052.823.924)	(6.067.009.655.823)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	-	112.152.264.648
Nguyên giá	225		-	130.467.379.881
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(18.315.115.233)
Tài sản cố định vô hình	227	14	219.251.957.453	220.162.135.649
Nguyên giá	228		294.517.358.918	283.098.677.599
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.265.401.465)	(62.936.541.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		660.329.384.725	575.955.787.725
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	660.329.384.725	575.955.787.725
Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.000.000.000	26.472.160.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	17.000.000.000	26.472.160.000
Tài sản dài hạn khác	260		443.590.777.836	351.972.179.819
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	263.776.212.655	272.734.770.282
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	179.814.565.181	79.237.409.537
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		26.618.030.002.939	17.756.407.664.931

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		15.786.236.174.085	11.165.669.153.608
Nợ ngắn hạn	310		14.372.246.601.418	8.991.488.795.259
Phải trả người bán	311	18	4.293.881.185.244	1.454.938.948.232
Người mua trả tiền trước	312		268.020.163.980	208.728.376.787
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	346.182.368.564	271.827.347.796
Phải trả người lao động	314		79.744.676.730	75.605.377.314
Chi phí phải trả	315	20	298.559.691.259	480.647.139.892
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	3.574.141.589.235	433.234.264.391
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	5.436.688.415.777	6.023.444.645.186
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	75.028.510.629	43.062.695.661
Nợ dài hạn	330		1.413.989.572.667	2.174.180.358.349
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	1.399.362.118.340	2.162.915.544.533
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	13.917.954.327	10.555.313.816
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.831.793.828.854	6.590.738.511.323
Vốn chủ sở hữu	410	25	10.831.793.828.854	6.590.738.511.323
Vốn cổ phần	411	26	4.934.818.960.000	4.446.252.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.934.818.960.000	4.446.252.130.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		-	(3.271.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		90.695.201.265	35.535.781.824
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.633.071.186.571	1.954.018.045.161
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.383.841.163.863	800.689.731.226
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.249.230.022.708	1.153.328.313.935
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.915.941.950	6.620.370.817
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		26.618.030.002.939	17.756.407.664.931

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	48.987.333.712.285	27.765.155.626.306
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	260.811.478.549	234.406.112.472
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	48.726.522.233.736	27.530.749.513.834
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	39.853.124.052.753	22.903.482.165.423
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		8.873.398.180.983	4.627.267.348.411
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	366.296.112.404	77.984.494.109
Chi phí tài chính	22	31	552.008.300.634	645.261.573.177
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		355.048.548.813	560.086.135.926
Chi phí bán hàng	25	32	3.344.487.236.554	2.221.083.074.110
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	425.816.363.938	459.978.781.905
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.917.382.392.261	1.378.928.413.328
Thu nhập khác	31	34	14.708.414.685	28.617.237.724
Chi phí khác	32	35	16.607.736.066	31.902.487.528
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.899.321.381)	(3.285.249.804)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.915.483.070.880	1.375.643.163.524
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	702.566.164.265	259.835.557.336
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(100.577.155.644)	(37.206.411.121)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		4.313.494.062.259	1.153.014.017.309

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		4.313.494.062.259	1.153.014.017.309
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.313.507.233.783	1.153.328.313.935
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(13.171.524)	(314.296.626)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	8.465	2.265

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		4.915.483.070.880	1.375.643.163.524
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.185.959.400.847	1.229.764.453.316
Các khoản dự phòng	03		156.375.293.473	16.247.641.558
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.523.936.793)	8.093.493.896
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(111.174.418.192)	11.969.098.415
Chi phí lãi vay	06		355.048.548.813	560.086.135.926
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.497.167.959.028	3.201.803.986.635
Biến động các khoản phải thu	09		(2.857.778.927.583)	(398.108.982.805)
Biến động hàng tồn kho	10		(6.987.119.321.159)	(969.498.666.166)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		5.855.275.980.310	983.533.510.048
Biến động chi phí trả trước	12		33.403.745.158	50.298.250.628
			2.540.949.435.754	2.868.028.098.340
Tiền lãi vay đã trả	14		(351.638.503.121)	(563.994.610.863)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(629.606.456.169)	(163.547.497.267)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(63.628.027.964)	(30.964.795.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.496.076.448.500	2.109.521.194.804

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Năm kết thúc ngày	
		30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(476.856.734.594)	(398.137.474.514)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	7.727.197.097	7.619.573.128
Tiền chi cho vay	23	(14.446.000.000)	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.015.588.323)	(9.988.203.836)
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	19.446.000.000	76.250.000.000
Tiền thu từ chuyển nhượng công ty con	26	188.062.042.687	8.882.151.730
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.424.914.740	4.594.414.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(295.658.168.393)	(310.779.538.502)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	44.000.000.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(812.000.000)
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	32	8.980.355.547	-
Tiền thu từ nhận góp vốn vào công ty con từ cổ đông không kiểm soát	32	14.446.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	38.252.605.550.541	22.583.653.369.329
Tiền trả nợ gốc vay	34	(39.543.878.574.152)	(24.031.275.249.680)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(60.381.309.809)	(64.120.907.969)
Tiền trả cổ tức	36	(307.131.948)	(22.299.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.284.535.109.821)	(1.512.577.087.420)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(84.116.829.714)	286.164.568.882
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	574.767.066.704	288.707.713.172
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.146.545.200	(105.215.350)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	492.796.782.190	574.767.066.704

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Người lập

Người duyệt



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tập đoàn có 9 công ty con, 1 công ty liên kết (1/10/2020: 10 công ty con, 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		30/9/2021	1/10/2020
Công ty con			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95%	95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (*)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	-	95%
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất vào ngày 2 tháng 4 năm 2021.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tập đoàn có 7.584 nhân viên (1/10/2020: 7.209 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng cố liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng bao gồm tiền chi ra cho việc san lấp mặt bằng tiền xây dựng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 49 năm 8 tháng.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 và ngày 1 tháng 10 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021			
Doanh thu	20.397.366.150.732	28.329.156.083.004	48.726.522.233.736
Giá vốn	(14.272.927.853.826)	(25.580.196.198.927)	(39.853.124.052.753)
	6.124.438.296.906	2.748.959.884.077	8.873.398.180.983
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020			
Doanh thu	17.439.544.287.525	10.091.205.226.309	27.530.749.513.834
Giá vốn	(13.329.842.491.295)	(9.573.639.674.128)	(22.903.482.165.423)
	4.109.701.796.230	517.565.552.181	4.627.267.348.411

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Chuyển nhượng một công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long

Vào ngày 2 tháng 4 năm 2021, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long. Việc chuyển nhượng có ảnh hưởng sau đây đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn vào ngày chuyển nhượng:

	Giá trị ghi sổ tại ngày chuyển nhượng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.957.313
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.982.939.452
Hàng tồn kho	6.770.000
Tài sản ngắn hạn khác	5.572.266.092
Xây dựng cơ bản dở dang	77.905.805.100
	85.505.737.957
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần được thanh lý	85.505.737.957
Giá trị ghi sổ tương ứng của phần sở hữu của Tập đoàn	80.368.480.614
Lãi từ thanh lý công ty con (Thuyết minh 30)	107.731.519.386
	188.100.000.000
Tổng giá chuyển nhượng	188.100.000.000
Tiền thu thuần	188.062.042.687

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Tiền mặt	14.457.442.293	38.446.527.451
Tiền gửi ngân hàng	447.299.736.438	508.279.639.554
Tiền đang chuyển	169.483.779	7.978.560
Các khoản tương đương tiền (*)	30.870.119.680	28.032.921.139
	492.796.782.190	574.767.066.704
	492.796.782.190	574.767.066.704

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 3,0% đến 4,0% (1/10/2020: từ 3,0% đến 4,8%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 3,7% đến 4,9% (1/10/2020: từ 3,0% đến 4,8%).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, khoản tiền gửi với giá trị 4.472 triệu VND được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	16.000.000.000	16.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	-	4.472.160.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam phát hành	-	5.000.000.000
	17.000.000.000	26.472.160.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2020: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2020: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2021		1/10/2020	
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết theo giấy phép	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty liên kết				
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (**)	49%	-	-	-
		-	-	-

(**) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, theo đó Tập đoàn nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Hanwa Co., Ltd – Nagoya Branch	641.244.798.681	12.198.320.650
Duferco Sa	579.108.806.311	2.486.767.208
Posco International Corporation	439.530.448.796	22.905.128.469
Isi Steel Co., Ltd.	21.600.642.482	338.062.125.796
Các khách hàng khác	2.642.178.462.410	1.402.484.138.771
	4.323.663.158.680	1.778.136.480.894

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2020: 570.000 triệu VND phải thu và 2.300.000 triệu VND phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	51.333.808	19.800.000
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	-	34.749.020

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng là 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/9/2021			1/10/2020				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương Mại Xây Dựng Mê Kông	3 – 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	2 – 3 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy	Trên 2 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	Trên 1 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Thép Xây Dựng Hiệp Loan	Trên 2 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	Trên 1 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Và Thương Mại Phúc Đức	Trên 2 năm	-	-	-	Trên 6 tháng	1.096.410.095	(1.096.410.095)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	Trên 2 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	Trên 1 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Công ty Thương Mại, Dịch Vụ Và Xây Dựng Yên Mai (TNHH)	-	-	-	-	Trên 6 tháng	839.518.227	(839.518.227)	-
Công ty TNHH Thương Mại & Sản Xuất Toàn Phát HN	-	-	-	-	6 tháng – 1 năm	1.426.131.048	(1.426.131.048)	-
Các khách hàng khác	-	11.388.683.691	(11.388.683.691)	-	-	16.875.016.697	(16.875.016.697)	-
		16.849.295.152	(16.849.295.152)	-		25.697.687.528	(25.697.687.528)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	25.697.687.528	10.291.966.694
Dự phòng trích lập trong năm	-	15.405.720.834
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(8.848.392.376)	-
Số dư cuối năm	16.849.295.152	25.697.687.528

9. Trả trước cho người bán

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Xí Nghiệp Phân Phối Khí Thấp Áp Vũng Tàu	9.000.000.000	12.151.382.390
Chi nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên		
Tại Bình Dương	10.183.555	21.469.960.714
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Kinex Việt Nam	546.858.800	14.348.431.632
Công ty TNHH Kim Nguon	-	11.650.000.000
Các nhà cung cấp khác	59.340.193.672	40.465.317.908
	68.897.236.027	100.085.092.644

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	45.462.225.000
Tạm ứng cho người lao động	35.631.264.951	42.103.309.219
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Bồi thường và giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	38.929.346.750	42.305.656.080
Phải thu khác	6.349.712.283	9.059.162.154
	159.191.323.984	171.749.127.453

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.470.000.000	2.059.900.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000

Các khoản phải thu khác từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	178.887.837.400	181.758.529.000
Phải thu khác	1.000.000.000	3.191.000.000
	179.887.837.400	184.949.529.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/9/2021		1/10/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.105.140.612.021	-	1.382.843.392.363	-
Nguyên vật liệu	4.603.302.420.591	(29.198.980.627)	1.130.658.074.684	(16.115.794.147)
Công cụ và dụng cụ	554.815.549.339	-	569.463.528.312	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.646.096.388	-
Thành phẩm	4.068.877.356.961	(167.365.717.233)	1.694.167.547.960	(24.672.838.046)
Hàng hóa	2.223.855.023.517	(10.330.316.547)	790.099.771.563	(4.245.336.876)
	12.555.990.962.429	(206.895.014.407)	5.568.878.411.270	(45.033.969.069)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 8.449.472 triệu VND (1/10/2020: 2.800.786 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	45.033.969.069	51.851.107.911
Trích lập dự phòng trong năm	161.861.045.338	-
Hoàn nhập trích lập trong năm	-	(6.817.138.842)
Số dư cuối năm	206.895.014.407	45.033.969.069

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.471.415.069.857	10.273.310.183.375	470.065.259.436	87.597.045.920	27.050.374.923	13.329.437.933.511
Tăng trong năm	124.900.000	69.062.217.895	5.523.305.394	-	-	74.710.423.289
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	72.900.561.390	100.359.483.607	1.783.750.049	-	-	175.043.795.046
Chuyển từ tài sản hữu hình thuê tài chính	-	120.808.224.881	9.560.000.000	-	-	130.368.224.881
Thanh lý	(71.955.649)	(25.217.546.101)	(7.518.767.367)	-	-	(32.808.269.117)
Xóa sổ	-	(4.704.277.378)	-	-	-	(4.704.277.378)
Giảm từ quyết toán khối lượng công trình	(185.310.368)	-	-	-	-	(185.310.368)
Số dư cuối năm	2.544.183.265.230	10.533.618.286.279	479.413.547.512	87.597.045.920	27.050.374.923	13.671.862.519.864
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	689.091.528.334	5.040.773.688.555	268.928.936.816	46.144.436.204	22.071.065.914	6.067.009.655.823
Khấu hao trong năm	127.546.094.302	975.200.767.119	55.242.998.965	11.007.941.301	597.734.673	1.169.595.536.360
Chuyển từ tài sản hữu hình thuê tài chính	-	19.988.653.492	2.312.317.061	-	-	22.300.970.553
Thanh lý	(71.955.649)	(20.067.711.030)	(5.689.678.699)	-	-	(25.829.345.378)
Xóa sổ	-	(4.023.993.434)	-	-	-	(4.023.993.434)
Số dư cuối năm	816.565.666.987	6.011.871.404.702	320.794.574.143	57.152.377.505	22.668.800.587	7.229.052.823.924
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.782.323.541.523	5.232.536.494.820	201.136.322.620	41.452.609.716	4.979.309.009	7.262.428.277.688
Số dư cuối năm	1.727.617.598.243	4.521.746.881.577	158.618.973.369	30.444.668.415	4.381.574.336	6.442.809.695.940



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 1.700.044 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (1/10/2020: 1.166.403 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.317.975 triệu VND (1/10/2020: 6.185.137 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	120.907.379.881	9.560.000.000	130.467.379.881
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(120.808.224.881)	(9.560.000.000)	(130.368.224.881)
Xóa sổ	(99.155.000)	-	(99.155.000)
<hr/>			
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	16.496.773.823	1.818.341.410	18.315.115.233
Khấu hao trong năm	3.541.029.321	493.975.651	4.035.004.972
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(19.988.653.492)	(2.312.317.061)	(22.300.970.553)
Xóa sổ	(49.149.652)	-	(49.149.652)
<hr/>			
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	104.410.606.058	7.741.658.590	112.152.264.648
Số dư cuối năm	-	-	-
<hr/>			

001
 CH
 ÔN
 K
 9 PI

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	235.025.409.765	48.073.267.834	283.098.677.599
Tăng trong năm	-	11.418.681.319	11.418.681.319
Số dư cuối năm	235.025.409.765	59.491.949.153	294.517.358.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	41.070.533.857	21.866.008.093	62.936.541.950
Khấu hao trong năm	3.453.969.163	8.874.890.352	12.328.859.515
Số dư cuối năm	44.524.503.020	30.740.898.445	75.265.401.465
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	193.954.875.908	26.207.259.741	220.162.135.649
Số dư cuối năm	190.500.906.745	28.751.050.708	219.251.957.453

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 456 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (1/10/2020: 456 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 88.587 triệu VND (1/10/2020: 99.988 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	575.955.787.725	576.452.872.180
Tăng trong năm	356.566.427.659	246.758.507.548
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(175.043.795.046)	(203.450.203.825)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(3.716.322.363)	(2.419.457.088)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(15.526.908.150)	(12.637.706.813)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(77.905.805.100)	(28.748.224.277)
Số dư cuối năm	660.329.384.725	575.955.787.725

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	35.679.907.327	67.957.814.979
Xây dựng nhà máy	178.108.117.347	110.723.594.232
Xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	368.688.188.434	347.706.768.372
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Phú Mỹ	11.500.000.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	11.187.832.111	10.597.766.331
Các công trình khác	16.371.267.506	175.771.811
Số dư cuối năm	660.329.384.725	575.955.787.725

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 15.080 triệu VND (năm kết thúc ngày 30/9/2020: là 10.038 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Chi phí thuê trả trước	61.118.651.512	59.399.652.052
Chi phí quảng cáo	4.977.085.978	24.829.641.795
Công cụ và dụng cụ	47.490.066.391	43.529.656.120
Phí bảo hiểm	2.708.146.140	1.585.945.970
Chi phí sửa chữa	5.401.342.918	5.140.546.849
Chi phí tư vấn	430.991.668	1.889.338.410
Chi phí khác	14.308.741.170	5.262.201.599
	136.435.025.777	141.636.982.795

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	82.143.471.550	100.595.642.595
Chi phí san lấp mặt bằng	74.922.871.392	76.600.246.305
Chi phí thuê trả trước	49.633.658.164	52.465.115.643
Bảng hiệu quảng cáo	15.059.349.254	15.374.300.149
Chi phí sửa chữa	19.284.076.785	12.292.628.995
Chi phí khác	22.732.785.510	15.406.836.595
	263.776.212.655	272.734.770.282

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	272.734.770.282	365.534.127.666
Tăng trong năm	95.839.433.370	82.532.801.042
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(163.628.065)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.526.908.150	12.637.706.813
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước ngắn hạn	(3.500.000)	240.769.417
Phân bổ trong năm	(118.232.051.179)	(187.417.700.068)
Thanh lý và xóa sổ	(2.089.347.968)	(629.306.523)
Số dư cuối năm	263.776.212.655	272.734.770.282

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	80.651.828.368	39.216.457.247
▪ Chi phí phải trả	74.249.427.448	24.728.361.887
▪ Các khoản dự phòng	24.913.309.365	11.977.576.816
▪ Các khoản mục khác	-	3.315.013.587
	<hr/>	<hr/>
	179.814.565.181	79.237.409.537
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/9/2021	1/10/2020
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	1.779.225.472.530	296.702.697.996
Xiamen ITG Group Corp., LTD.	630.195.444.218	-
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	622.557.774.639	59.872.948.917
Nippon Steel Trading Corporation	-	303.482.841.213
Các nhà cung cấp khác	1.261.902.493.857	794.880.460.106
	<hr/>	<hr/>
	4.293.881.185.244	1.454.938.948.232
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/9/2021	1/10/2020
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	8.280.625.262	7.018.375.408
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	6.872.127.178	2.449.892.438
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ VND	Phân loại VND	30/9/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	175.141.284.813	13.522.409.387.473	(2.183.512.707.115)	(11.339.817.353.690)	(1.386.919.443)	172.833.692.038
Thuế xuất nhập khẩu	456.189.132	5.977.033.761	(6.267.355.109)	-	-	165.867.784
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.273.828.511	702.566.164.265	(629.606.456.169)	-	5.296.564.045	171.530.100.652
Thuế thu nhập cá nhân	2.863.365.640	35.552.524.625	(36.761.584.196)	(91.839.508)	720.809	1.563.187.370
Thuế khác	92.679.700	3.412.340.916	(3.412.499.896)	-	(3.000.000)	89.520.720
	271.827.347.796	14.269.917.451.040	(2.859.560.602.485)	(11.339.909.193.198)	3.907.365.411	346.182.368.564

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Chi phí lương và thưởng	211.122.463.563	442.569.291.620
Chi phí vận chuyển	43.680.114.673	219.189.613
Xây dựng cơ bản dở dang	13.331.759.284	10.787.448.808
Chi phí lãi vay	10.828.881.202	7.418.835.510
Chi phí dự phòng thuế	5.543.056.774	3.912.745.955
Chi phí tiền điện	643.394.816	380.529.874
Chi phí khác	13.410.020.947	15.359.098.512
	298.559.691.259	480.647.139.892

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	3.503.256.652.175	245.638.100.621
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	-	142.966.821.833
Nhận ký quỹ ngắn hạn	54.628.952.727	23.105.461.713
Cổ tức phải trả	3.940.190.477	4.247.322.425
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.270.131.710	2.474.430.995
Phải trả khác	11.045.662.146	14.802.126.804
	3.574.141.589.235	433.234.264.391

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương, Ngân Hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, Ngân Hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nghệ An và Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành với kỳ hạn trả chậm từ 90 ngày đến 120 ngày (1/10/2020: cung cấp bởi Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với kỳ hạn trả chậm từ 90 ngày đến 120 ngày). Nếu đến ngày đáo hạn, Tập đoàn không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành các khoản vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính	(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
		1/10/2020	Biến động trong năm		30/9/2021
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.266.057.103.675	38.252.605.550.541	(38.690.118.916.257)	1.344.677.818	4.829.888.415.777
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	724.728.971.847	640.800.000.000	(758.728.971.847)	-	606.800.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	32.658.569.664	8.164.642.416	(40.823.212.080)	-	-
	6.023.444.645.186	38.901.570.192.957	(39.489.671.100.184)	1.344.677.818	5.436.688.415.777



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	75.643.458.480	1.171.017.687.810
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	777.548.744.645	531.104.907.733
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	60.000.000.000	947.943.944.130
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	1.453.181.080.932	413.037.687.997
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	347.681.380.658	472.377.287.783
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	USD	-	99.439.545.965
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	1.186.536.814.890	608.438.856.420
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(v)	USD	-	213.385.900.000
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vi)	VND	56.000.000.000	32.300.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	VND	34.366.092.843	101.516.310.719
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	USD	384.498.035.750	57.085.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(viii)	VND	66.934.425.013	61.832.823.335
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	VND	60.626.701.580	42.323.443.406
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	USD	73.836.076.658	46.084.500.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	(x)	VND	-	145.844.804.159
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(xi)	VND	8.440.160.000	-
▪ Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xii)	VND	67.617.983.015	97.147.784.400
▪ Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm	(xiii)	VND	-	50.000.000.000
▪ Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiv)	VND	75.695.575.053	19.942.608.592
▪ Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiv)	USD	101.281.886.260	155.234.011.226
			4.829.888.415.777	5.266.057.103.675

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	30/9/2021	Lãi suất	1/10/2020	Tài sản đảm bảo
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	3.000 tỷ VND	3,50% 1,50% - 2,00%	4,50% - 4,90% 1,85% - 2,00%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng	
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.397 tỷ VND	3,50% 1,30%	4,50% - 5,00% 1,80% - 2,10%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, khoản phải thu, nhà cửa và vật kiến trúc	
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND USD	1.500 tỷ VND	3,50% - 3,80% -	4,20% - 4,50% 3,00%	Máy móc và thiết bị và một phần công trình xây dựng trên đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An, công ty con	
iv. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	3,35%	4,10% - 4,90%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, công ty con	
v. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	USD	2.000 tỷ VND	-	1,80%	Không có tài sản đảm bảo	
vi. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	3,30%	5,00%	Không có tài sản đảm bảo	
vii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND USD	20 triệu USD	3,00% 1,60%	4,00% - 4,20% 1,64%	Hàng tồn kho	
viii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	3 triệu USD	3,00%	4,00% - 4,50%	Hàng tồn kho	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	30/9/2021	Lãi suất	1/10/2020	Tài sản đảm bảo
ix. Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	6.6 triệu USD	3,20% - 3,30% 1,40%	4,10% - 4,70%	Hàng tồn kho 1,80%	
x. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	VND	800 tỷ VND	-	3,20% - 4,50%	Hàng tồn kho	
xi. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	VND	200 tỷ VND	3,10% - 4,40%	-	Tài sản cố định và hàng tồn kho	
xii. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	500 tỷ VND	3,90%	4,50%	Không có tài sản đảm bảo	
xiii. Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm	VND	1.000 tỷ VND	-	5,00%	Quyền sử dụng đất và phải thu của khách hàng	
xiv. Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	15 triệu USD	3,60% 1,50%	3,80% - 4,00% 1,80% - 1,85%	Không có tài sản đảm bảo	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Vay dài hạn	2.006.162.118.340	2.859.921.776.235
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	-	60.381.309.809
	<hr/>	<hr/>
	2.006.162.118.340	2.920.303.086.044
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(606.800.000.000)	(757.387.541.511)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.399.362.118.340	2.162.915.544.533
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2021		1/10/2020	
				VND	VND	VND	VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	2021 – 2026	1.589.211.274.881	2.102.282.791.370		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	2022 – 2023	167.056.547.660	303.150.862.940		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	(iii)	VND	2024	206.750.669.442	291.633.669.442		
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	(iv)	VND	2025 – 2026	43.143.626.357	132.670.311.741		
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(v)	VND	2021	-	30.184.140.742		
				2.006.162.118.340	2.859.921.776.235		

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 7,6% (1/10/2020: từ 8,0% đến 9,0%).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 7,5% đến 8,7% (1/10/2020: từ 7,5% đến 8,7%).

(iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 8,2% đến 9,2% (1/10/2020: từ 8,2% đến 9,1%).

(iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 8,2% đến 9,2% (1/10/2020: từ 8,2% đến 9,8%).

(v) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 7,6% (1/10/2020: 8,0%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/9/2021		1/10/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	-	-	36.840.545.897	4.181.976.233
Từ hai đến năm năm	-	-	28.935.494.777	1.212.754.632
	-	-	65.776.040.674	5.394.730.865
				Nợ gốc VND
				32.658.569.664
				27.722.740.145
				60.381.309.809

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	43.062.695.661	44.902.799.431
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 25)	46.120.560.692	3.613.521.330
Sử dụng quỹ trong năm	(14.154.745.724)	(5.453.625.100)
Số dư cuối năm	75.028.510.629	43.062.695.661

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	10.555.313.816	2.896.254.250
Trích lập dự phòng trong năm	3.362.640.511	7.659.059.566
Số dư cuối năm	13.917.954.327	10.555.313.816

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2019	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.021.280.774.551	7.554.667.443	5.468.281.185.650
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.153.328.313.935	(314.296.626)	1.153.014.017.309
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	211.557.240.000	-	-	-	(211.557.240.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(812.000.000)	-	-	-	(812.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.613.521.330)	-	(3.613.521.330)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	5.420.281.995	(5.420.281.995)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(25.511.170.306)	-	-	(25.511.170.306)
Giảm do giải thể công ty con	-	-	-	-	-	(620.000.000)	(620.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2020	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	1.954.018.045.161	6.620.370.817	6.590.738.511.323



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2020	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	1.954.018.045.161	6.620.370.817	6.590.738.511.323
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.313.507.233.783	(13.171.524)	4.313.494.062.259
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (*)	444.566.830.000	-	-	-	(444.566.830.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	44.000.000.000	-	-	-	-	-	44.000.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	5.709.355.547	3.271.000.000	-	(46.120.560.692)	-	8.980.355.547
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(46.120.560.692)
Trích thưởng hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh (**)	-	-	-	-	(39.134.000.000)	-	(39.134.000.000)
Phân bổ vào quỹ (***)	-	-	-	104.632.701.681	(104.632.701.681)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(49.473.282.240)	-	-	(49.473.282.240)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	14.446.000.000	14.446.000.000
Giảm do chuyển nhượng công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	(5.137.257.343)	(5.137.257.343)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2021	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	90.695.201.265	5.633.071.186.571	15.915.941.950	10.831.793.828.854

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 13 tháng 1 năm 2020 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 24 tháng 5 năm 2021, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 44.456.683 cổ phiếu với mệnh giá 10.000/cổ phiếu.
- (**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 13 tháng 1 năm 2020 và Quyết định của Hội Đồng Quản trị vào ngày 27 tháng 1 năm 2021, Công ty đã quyết định trích 3,4% từ lợi nhuận sau thuế để chi thưởng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2019 – 2020 cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các Ban thuộc Hội đồng Quản trị.
- (***) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Công ty đã trích lập 40.356 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu kỳ và vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty đã trích lập 64.277 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, hoạt động từ thiện và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị (năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020: 5.420 triệu VND).

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2021		1/10/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	493.481.896	4.934.818.960.000	444.625.213	4.446.252.130.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	327.100	3.271.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	493.481.896	4.934.818.960.000	444.298.113	4.442.981.130.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2021		30/9/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	444.298.113	4.442.981.130.000	423.223.589	4.232.235.890.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	44.456.683	444.566.830.000	21.155.724	211.557.240.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	327.100	3.271.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	4.400.000	44.000.000.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(81.200)	(812.000.000)
Số dư cuối năm	493.481.896	4.934.818.960.000	444.298.113	4.442.981.130.000

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Trong vòng một năm	183.481.962.474	181.023.716.815
Từ hai đến năm năm	691.377.536.840	691.146.037.199
Trên năm năm	693.964.700.288	770.536.718.044
	1.568.824.199.602	1.642.706.472.058

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/9/2021		1/10/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	10.572.802	239.562.452.177	7.572.153	174.878.082.357
EUR	-	-	909	24.288.480
		<u>239.562.452.177</u>		<u>174.902.370.837</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn:

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	135.317.792.924	71.522.424.222
	<u>135.317.792.924</u>	<u>71.522.424.222</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	22.762.662.833.195	13.945.093.147.339
▪ Bán hàng hóa	26.204.556.855.059	13.778.934.771.842
▪ Dịch vụ cung cấp và doanh thu khác	20.114.024.031	41.127.707.125
	48.987.333.712.285	27.765.155.626.306
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	238.263.060.549	215.992.234.977
▪ Giảm giá hàng bán	980.524.072	5.700.055.453
▪ Hàng bán bị trả lại	21.567.893.928	12.713.822.042
	260.811.478.549	234.406.112.472
Doanh thu thuần	48.726.522.233.736	27.530.749.513.834

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	16.700.658.638.817	10.224.045.844.167
▪ Hàng hóa đã bán	22.971.222.896.369	12.672.459.961.421
▪ Dịch vụ cung cấp và giá vốn khác	19.381.472.229	13.793.498.677
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	161.861.045.338	(6.817.138.842)
	39.853.124.052.753	22.903.482.165.423

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	3.424.914.740	4.594.414.990
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	107.731.519.386	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	244.563.630.062	70.199.983.098
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.523.936.793	-
Doanh thu tài chính khác	6.052.111.423	3.190.096.021
	366.296.112.404	77.984.494.109

31. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Chi phí lãi vay	355.048.548.813	560.086.135.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	196.240.358.014	75.353.328.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.093.493.896
Chi phí tài chính khác	719.393.807	1.728.614.970
	552.008.300.634	645.261.573.177

32. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Chi phí nhân viên	643.035.977.672	884.532.511.683
Chi phí xuất khẩu	1.704.544.466.093	449.890.876.255
Chi phí vận chuyển	356.516.789.419	219.517.108.970
Chi phí khấu hao và phân bổ	165.968.395.956	167.094.144.203
Chi phí thuê	162.547.696.297	160.274.877.997
Chi phí quảng cáo	60.905.209.032	81.107.806.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.488.023.995	71.910.732.695
Chi phí bán hàng khác	181.480.678.090	186.755.015.868
	3.344.487.236.554	2.221.083.074.110

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Chi phí nhân viên	160.841.770.891	257.915.445.562
Chi phí khấu hao và phân bổ	62.481.994.024	66.626.994.248
Chi phí thuê	27.137.721.765	25.949.018.951
Chi phí tiếp khách	13.002.378.112	11.665.809.396
Chi phí công tác	5.314.297.362	6.910.634.199
Chi phí dịch vụ chuyên môn	7.581.013.556	11.783.549.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.815.526.915	50.145.884.923
Chi phí quản lý khác	97.641.661.313	28.981.444.903
	425.816.363.938	459.978.781.905

34. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	17.984.066	-
Tiền bồi thường thu được	7.190.639.755	3.503.871.667
Thu nhập khác	7.499.790.864	25.113.366.057
	14.708.414.685	28.617.237.724

35. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Chi phí cho hoạt động từ thiện	8.190.000.000	-
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	16.563.513.405
Chi phí khác	8.417.736.066	15.338.974.123
	16.607.736.066	31.902.487.528

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	42.143.228.874.022	19.535.328.665.795
Chi phí nhân công và nhân viên	1.090.357.716.427	1.433.792.511.778
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.185.959.400.847	1.229.764.453.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.389.673.536.999	1.794.833.077.709
Chi phí khác	949.824.551.140	847.512.493.972
	42.143.228.874.022	19.535.328.665.795

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	701.081.358.149	245.982.234.033
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.484.806.116	13.853.323.303
	702.566.164.265	259.835.557.336
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(100.577.155.644)	(37.206.411.121)
	601.989.008.621	222.629.146.215



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.915.483.070.880	1.375.643.163.524
Thuế theo thuế suất của Công ty	983.096.614.175	275.128.632.706
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(180.599.986.752)	(62.558.538.811)
Chi phí không được khấu trừ thuế	19.772.352.262	71.990.972.514
Ưu đãi thuế	(150.545.861.692)	(63.129.542.290)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận	3.580.744.724	7.690.276.040
Lỗi tính thuế được sử dụng	(10.443.765.911)	(13.908.404.822)
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây	(64.355.894.301)	(6.437.572.425)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.484.806.116	13.853.323.303
	601.989.008.621	222.629.146.215

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi các công ty con này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ và Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của Công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.
- Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	4.313.507.233.783	1.153.328.313.935
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(172.540.289.351)	(46.133.132.557)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	4.140.966.944.432	1.107.195.181.378

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 4% lợi nhuận thuần trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 Số cổ phiếu	30/9/2020 Số cổ phiếu Được điều chỉnh lại (*)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	444.298.113	423.223.589
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ	-	(24.612)
Ảnh hưởng của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ	164.894	-
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	-	21.155.724
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	44.456.683	44.429.811
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	289.315	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	489.209.005	488.784.512

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	30/9/2021 VND	Năm kết thúc 30/9/2020 VND Được điều chỉnh lại (*)	30/9/2020 VND Theo báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.465	2.265	2.492

(*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.491.098.491.681	3.310.303.106.066
Doanh thu cho thuê tài sản	3.486.352.344	3.165.014.069
Mua hàng hóa và thành phẩm	65.433.048	-
Chiết khấu thương mại	29.951.547.928	59.763.907.878
Phí vận chuyển	71.877.987.424	60.304.523.944
Chi phí thuê hoạt động	10.324.829.089	8.897.850.106
Hàng bán trả lại	7.332.794.966	4.324.800.079
Lãi trả chậm	4.314.972.614	1.783.817.982
Giảm giá hàng bán	-	166.020.819
Bán tài sản cố định	278.700.000	-
Mua tài sản cố định	-	123.636.364
Bán khác	217.541.773	348.676.081
Mua khác	4.028.182	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An		
Phí vận chuyển	56.691.234.612	36.265.597.722
Doanh thu cho thuê tài sản	227.000.000	216.000.000

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	300.000.000	300.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	290.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	340.000.000	240.000.000
Ông Đinh Viết Duy – Thành viên	290.000.000	240.000.000
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.967.900.022	1.847.025.972
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	34.209.331.101	9.705.523.866

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	36.384.781.236	73.275.604.407

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Người lập


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

